

Quan hệ dân tộc ở vùng biên giới Trung Quốc

Vương Ngọc Thi*

Nhận ngày 15 tháng 6 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 9 năm 2024.

Tóm tắt: Bài viết tổng quan một số nghiên cứu quốc tế có thể tiếp cận được về quan hệ dân tộc vùng biên giới của Trung quốc, với ba nội dung chính. Phần thứ nhất trình bày khái quát về dân tộc và tình hình dân tộc vùng biên giới của Trung Quốc. Phần thứ hai đưa ra một số vấn đề đặc thù, nổi bật và cấp bách trong quan hệ dân tộc vùng biên của Trung Quốc theo nghiên cứu của các học giả quốc tế, xoay quanh năm trục quan hệ chính là: quan hệ nội tộc người trong nước, quan hệ tộc người xuyên biên giới, quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số, quan hệ giữa các tộc người thiểu số, và quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc. Phần thứ ba chỉ ra các chính sách điều chỉnh quan hệ dân tộc của Trung Quốc và kết quả, hạn chế của các chính sách này.

Từ khóa: Quan hệ dân tộc, vùng biên giới, Trung Quốc.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: This article reviews a number of accessible international studies on ethnic relations in China's border areas, focusing on three main contents. The first part presents an overview of ethnicity and the ethnic situation in China's border areas. The second part shows some specific, outstanding and urgent issues concerning ethnic relations in those areas according to international studies, revolving around five main axes of relations: intra-ethnic relations, cross-border ethnic relations, relations between ethnic minorities and the ethnic majority group, relations among ethnic minorities, and relations between ethnic groups and the nation-state. The third part points out China's policies regulating ethnic relations and their results and limitations.

Keywords: Ethnic relations, border area, China.

Discipline: Ethnography

1. Mở đầu

Thông qua tổng quan một số tài liệu quốc tế có thể tiếp cận được, nghiên cứu này tìm hiểu quan hệ dân tộc vùng biên giới của Trung Quốc, tập trung vào các vấn đề về quan hệ tộc người đương đại. Bài viết được chia làm ba nội dung chính. Phần thứ nhất trình bày khái quát về dân số, thành phần các dân tộc thiểu số (DTTS) tại Trung Quốc và tình hình dân tộc vùng biên giới của Trung Quốc. Phần thứ hai đưa ra một số vấn đề đặc thù, nổi bật và cấp bách trong quan hệ dân tộc vùng biên của Trung Quốc theo nghiên cứu của các học giả quốc tế. Năm trục quan hệ chính sẽ được thảo luận là quan hệ nội tộc người trong nước, quan hệ tộc người xuyên biên giới, quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số, quan hệ giữa các tộc người thiểu số, và quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc. Phần cuối trình bày các chính sách giải quyết vấn đề quan hệ dân tộc ở vùng biên giới của Trung Quốc, kết quả và hạn chế của các chính sách này.

2. Khái quát về tình hình dân tộc ở vùng biên giới Trung Quốc

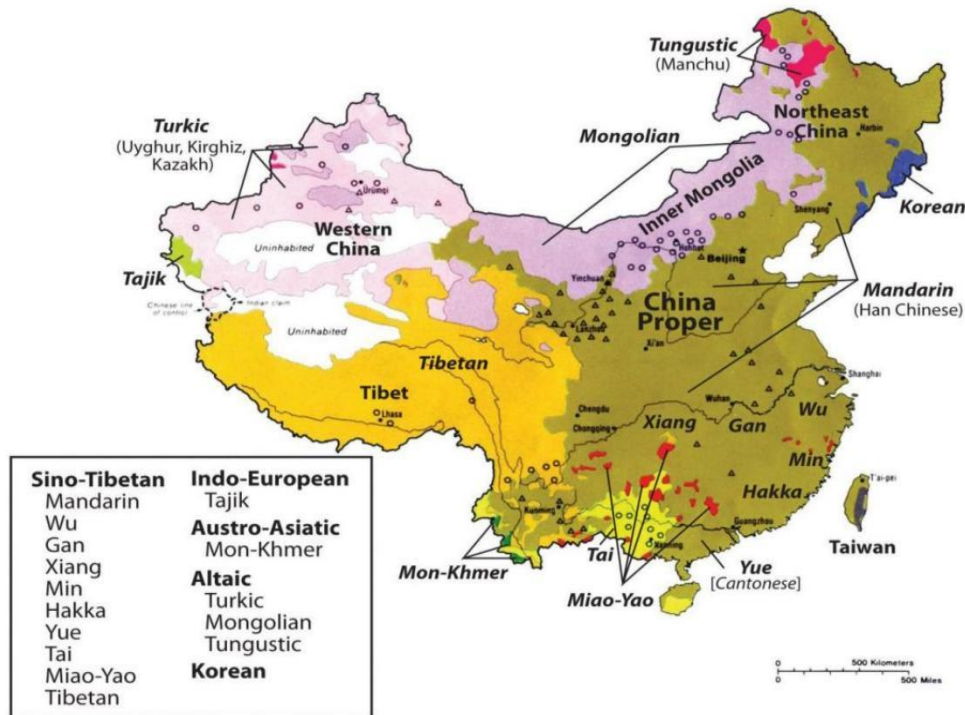
Bên cạnh người Hán chiếm đa số, 55 nhóm DTTS khác ở Trung Quốc có dân số khoảng 105 triệu người (8%), chủ yếu tập trung ở các khu tự trị tại khu vực giáp ranh biên giới

* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: vuongngocthi@gmail.com

phía tây bắc, bắc, đông bắc, nam và tây nam; một số ít hơn ở miền trung Trung Quốc. Các nhóm DTTS chính ở Trung Quốc là Choang (16,9 triệu), Hồi (10,5 triệu), Mãn (10,3 triệu), Uyghur (10 triệu), Miêu (9,4 triệu), Di (8,7 triệu), Thổ Gia (8,3 triệu), Tạng (6,2 triệu), Mông Cổ (5,9 triệu), Kazakh (5 triệu) (Cục Thống kê Trung Quốc, 2011).

Bản đồ 1: Phân bố các tộc người theo nhóm ngữ hệ ở Trung Quốc



Nguồn: Emerging China, n.d., bản đồ 10.4

Bản đồ 1 cho thấy đa số các DTTS sống tại khu vực biên giới đất liền của Trung Quốc với các nước lục địa. Trong đó, một số không nhỏ những người mộ đạo sống ở khu vực biên giới, điển hình là người Uyghur ở Tân Cương theo Hồi giáo và người Tạng ở Tây Tạng theo Phật giáo. Một bộ phận trong hai khu vực này đòi hỏi khai tự trị, dẫn đến sự kiểm soát và chú ý cao độ của Nhà nước. Từ những năm 1990 vấn đề Tây Tạng đã được quốc tế hóa, ảnh hưởng tới mối quan hệ quốc tế của Trung Quốc không chỉ với các nước phương Tây mà còn cả các nước láng giềng như Ấn Độ và Mông Cổ. Bên cạnh đó, quan hệ tộc người ở vùng biên giới Trung Quốc với Myanmar, Lào, Việt Nam, Triều Tiên được cho là khá ổn định và ít tạo ra các mối quan ngại về chính trị đối với Trung Quốc (Mackerras, 2003; Freeman, 2011).

Năm hoạt động kinh tế nổi bật gắn với người DTTS ở các khu tự trị là các đặc sản tộc người, sản phẩm chăn nuôi, sản vật văn hóa, nguồn tài nguyên khoáng sản, và du lịch (He, 2017). Các nguồn tài nguyên khoáng sản, sản vật này có một bộ phận lớn nằm ở khu vực biên giới phía tây của Trung Quốc (Tây Tạng và Tân Cương), tuy nhiên đây cũng là khu vực có tỷ lệ nghèo cao nhất (Mackerras, 2003).

3. Quan hệ tộc người ở biên giới Trung Quốc

Mục này đi vào trình bày một số vấn đề đặc thù, nổi bật và cấp bách trong quan hệ dân tộc vùng biên của Trung Quốc. Năm trục quan hệ chính được thảo luận là quan hệ nội tộc người ở trong nước, quan hệ nội tộc người xuyên biên giới, quan hệ giữa các tộc người thiểu số, quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số, và quan hệ giữa tộc người với quốc

gia - dân tộc. Trong mỗi tiểu mục, tình hình chung về quan hệ tộc người ở khu vực biên giới các nước sẽ được trình bày và minh họa thông qua các kết quả nghiên cứu cụ thể. Để tránh dàn trải, tác giả bài viết lựa chọn tập trung vào hai vùng biên giới là Vân Nam và Tân Cương.

3.1. Quan hệ nội tộc người ở trong nước

Các học giả thường có xu hướng mô tả tộc người như một thể thống nhất, ví dụ như tộc người Uyghur được cho là một tộc người đoàn kết và có xu hướng li khai khỏi nhà nước Trung Quốc. Tuy nhiên trong thực tế, nội bộ tộc người này có sự phân rẽ do các vấn đề như: mâu thuẫn tôn giáo, sự xa lạ giữa nhóm tinh hoa và dân thường, và sự khác biệt về khuynh hướng chính trị và hệ giá trị, văn hóa (Mackerras, 2003). Trong khi một số người Uyghur mong muốn có nhà nước riêng, số khác lại yêu cầu duy trì sự khác biệt về văn hóa và quan hệ tự trị với chính quyền Trung Quốc, một bộ phận khác vẫn đang hội nhập vào xã hội Trung Quốc đương đại (Davis, 2008). Đảng Cộng sản Trung Quốc yêu cầu cán bộ người Uyghur không tham gia vào các hoạt động tôn giáo, do đó họ khó có thể hòa nhập với các đồng tộc theo Hồi giáo. Trên thực tế, nỗi sợ không được vào thiên đường sau khi chết cùng với việc bị người đồng tộc xa lánh đã khiến nhiều cán bộ sớm rời khỏi cương vị công tác (Yee, 2003; Caprioni, 2011).

Bên cạnh đó, sự phân hóa tầng lớp xã hội trong nội bộ tộc người diễn ra ngày càng rõ ràng. Thập niên cuối thế kỷ XX, các tù trưởng người Akha ở khu vực biên giới Trung Quốc - Myanmar giữ vị trí người trung gian giữa tộc người và Nhà nước. Trên thực tế có sự cạnh tranh về quyền lực giữa họ và các thành viên khác trong cộng đồng, bởi họ chủ yếu sử dụng mối liên kết với chính quyền để giành lợi ích vật chất cho bản thân (Sturgeon, 2005). Một ví dụ khác là khi những biến đổi trong thị hiếu và thị trường biến trà Phổ Nhĩ vùng cao tỉnh Vân Nam trở thành một loại trà có giá trị thương mại cao, các hoạt động thương mại buôn bán trà nơi đây đã tạo ra sự phân hóa giàu nghèo và những mâu thuẫn ngày càng lớn trong cộng đồng người Thái ở vùng thấp và cả các cộng đồng người DTTS ở vùng cao như người Bulang (Ma, 2021).

Một vấn đề đáng quan tâm khác trong quan hệ nội tộc người ở Trung Quốc là sự biến đổi trong vai trò giới. Từ những năm 1990, nhiều phụ nữ DTTS đã đạt được thành tích cao hơn trong các ngành nghề, đặc biệt là ở những tộc người theo Phật giáo. Tuy nhiên, những quan điểm và thái độ truyền thống đối với phụ nữ vẫn được duy trì, thể hiện rõ nhất trong các nhóm dân tộc theo Hồi giáo và Nho giáo (Mackerras, 2003). Một trong những biến đổi quan trọng trong việc thay đổi vị thế của phụ nữ DTTS là sự chủ động tham gia của họ vào di cư. Trường hợp phụ nữ người Thái ở một hương nghèo vùng nông thôn Vân Nam là một ví dụ. Để thoát nghèo, một số đã di cư bất hợp pháp đến làm việc tại các tiệm mát xa ở khu vực biên giới Thái Lan - Malaysia. Đa phần những phụ nữ này đã kết hôn hoặc li hôn khi họ di cư. Quan hệ tình dục ngoài hôn nhân là một phần thường thấy trong công việc của họ. Tiền kiếm được được đầu tư vào việc nâng cao đời sống cho gia đình họ ở quê nhà, hay trong việc làm ăn khi họ quay về tái định cư ở địa phương, từ đó giúp nâng cao vị thế của người phụ nữ trong gia đình và cộng đồng (Lyttleton và các cộng sự, 2011).

3.2. Quan hệ nội tộc người xuyên biên giới

Các tộc người sinh sống tại vùng biên thường có mối quan hệ tộc người xuyên biên giới với lịch sử hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm trước sự xuất hiện của các đường biên quốc gia. Sự mở cửa (trở lại) của đa số các đường biên của Trung Quốc vào các thập niên cuối thế kỷ XX đã khiến quan hệ tộc người xuyên biên giới được tái kết nối, phát triển mạnh mẽ hơn, đồng thời những khía cạnh mới được thúc đẩy bởi các yếu tố kinh tế và chính trị trong thời đại mới cũng dần xuất hiện. Trước đó, có thể nói đường biên giới và các đồng tộc bên kia biên giới đã đóng vai trò cứu cánh cho cuộc sống của người DTTS

vùng biên trước những biến động về an ninh, chính trị ở Trung Quốc. Các chính sách như Đại nhảy vọt (1958-1962) và Đại Cách mạng văn hóa (1966-1976) đã khiến rất nhiều người DTTS vùng biên phải tìm nơi tị nạn ở bên kia biên giới. Người Palaung và Ta'aang theo đạo Phật ở Ruili, Vân Nam đã di cư ồ ạt sang Myanmar trong hai giai đoạn này. Quan hệ giữa các tộc người ở hai bên biên giới vẫn được duy trì bền vững sau khi giao thương biên giới được tái lập lại trong những năm 1990, đặc biệt là mối quan hệ về tôn giáo, khi mà khoảng 3/4 các nhà sư và ông từ/bà sãi ở các ngôi đền ở phía biên giới Trung Quốc đến từ Myanmar (Takahirō và cộng sự, 2013).

Trong các quan hệ tộc người xuyên biên giới có tầm ảnh hưởng rộng lớn hiện nay có thể kể đến mạng lưới xuyên quốc gia liên kết người Thái ở Vân Nam, Trung Quốc với người Thái ở Lào, Myanmar và Thái Lan. Phật giáo được hồi sinh mạnh mẽ, thể hiện qua sự xuất hiện hàng loạt các chùa Thái cũ và mới, với một trong những nhân tố trung tâm là Khruba Bunchum - một nhà sư người Thái gốc Myanmar. Sự chênh lệch về vốn, trình độ học vấn, và các cơ hội giữa các tộc người ở khu vực này với các tộc người đa số đã khiến cho người Thái tụ lại trong các ngôi đền Phật giáo, nơi hoạt động như một kênh chia sẻ về vốn, kỹ thuật và thông tin (Davis, 2005). Nhiều người mong muốn được tiếp tục học tập tại Thái Lan, nơi việc học tập trong chùa không ảnh hưởng hay mâu thuẫn với hệ thống giáo dục của nhà nước. Hơn nữa, Thái Lan đại diện cho một hình mẫu Phật giáo không loại trừ sự phát triển kinh tế. Từ đó, một số sinh viên và trí thức người Thái trẻ tuổi ở Vân Nam đã ngày càng gắn kết với nông dân và tu sĩ Thái Lan (Hansen, 1999).

Quan hệ tộc người xuyên biên giới có thể đem lại cả tác động trái chiều và thuận chiều đối với ý thức quốc gia - dân tộc của các DTTS. Tác động thuận chiều có thể được thấy rõ như trong trường hợp các tộc người Miêu, Thái dọc biên giới Trung Quốc khi tương tác với người đồng tộc ở nhiều nước bên kia biên giới Myanmar và Việt Nam. Do có nền kinh tế phát triển hơn đáng kể so với phía bên kia biên giới, người DTTS ở Trung Quốc cho rằng, mình là người tiên phong mang lại sự văn minh cho các đồng tộc “lạc hậu” (Qian và cộng sự, 2016). Từ đó mà ý thức quốc gia - dân tộc của họ được củng cố và tạo nên niềm tự hào là công dân Trung Quốc. Điều tương tự cũng diễn ra với người Akha và Thái ở Mengla, Sipsongbanna, Vân Nam. Đầu những năm 1980, một số lâm trường Nhà nước bắt đầu thuê và hướng dẫn kỹ thuật trồng và thu hoạch cao su cho người DTTS tại đây. Người Akha và Thái bắt đầu trồng cao su từ những năm 1985-1987, và khi cao su cho thu hoạch thì số người tham gia ngày càng gia tăng. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO năm 2001, giá cao su trên thị trường tăng cao, một số gia đình mở rộng diện tích đất trồng bằng cách thuê đất của đồng tộc ở Lào. Trong quá trình này, họ nhận thấy ưu thế của mình so với người Thái và Akha ở Lào, không chỉ bởi kiến thức về canh tác cây cao su, mà còn vì lối sống “hiện đại” của họ, thể hiện qua thu nhập, tiêu dùng và lối sống thành thị (Sturgeon, 2012).

3.3. Quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số

Sang đến đầu thế kỷ XXI, kết quả của quá trình di cư theo kế hoạch và di cư tự do dẫn tới chỉ còn hai đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Trung Quốc mà người DTTS vẫn chiếm đa số là Tây Tạng và Tân Cương (Mackerras, 2003). Mối quan hệ giữa người DTTS và người Hán trải rộng trên nhiều hoạt động từ quan hệ làm ăn buôn bán, đồng nghiệp đến bạn bè, hàng xóm, và quan hệ hôn nhân. Kết quả nghiên cứu dựa trên dữ liệu điều tra dân số quốc gia của Trung Quốc năm 2010 cho thấy xu hướng gia tăng trong hôn nhân giữa các tộc người, đặc biệt là giữa người Hán và các DTTS. Đây là một chỉ báo quan trọng cho thấy quan hệ hòa hợp giữa tộc người đa số và các tộc người thiểu số. Ngược lại, các tộc người có tỷ lệ liên hôn với người Hán thấp nhất là người Uyghur, Kazakh và Tạng, sinh sống tập trung tại hai khu tự trị Tân Cương và Tây Tạng nơi người Hán có dân số thấp (Jian, 2017). Riêng với trường hợp người Uyghur, trước đây các cuộc liên hôn của họ với người Hán khá phổ biến,

tuy nhiên tình hình này đã đảo ngược từ sau những năm 1990, điều được cho là phản ánh mối quan hệ ngày càng căng thẳng giữa hai tộc người (Mackerras, 2003).

Nền kinh tế thị trường là một lực hút mạnh khiến cho nhiều thương nhân người Hán xuất hiện tại các khu vực biên giới. Tại khu vực phía nam tỉnh Vân Nam, nơi trà Phổ Nhĩ tạo ra nguồn lợi nhuận cao, để duy trì các mối quan hệ làm ăn, người Bulang tặng các món quà nhỏ cho thương nhân người Hán. Tuy nhiên, các thương nhân người Hán một phần vì sự khác biệt về ngôn ngữ, một phần vì sự khác biệt về văn hóa, thường thông qua người Thái sinh sống ở vùng thấp làm trung gian mua bán trà với các tộc người ở vùng cao. Giá trị kinh tế cao mà trà Phổ Nhĩ mang lại đã giúp gia tăng vị thế xã hội của các tộc người sinh sống ở vùng cao như người Bulang và người Hà Nhì, đồng thời đem lại niềm tự hào và ý thức tộc người gắn với vùng đất họ sinh sống. Tuy nhiên, các cuộc liên hôn giữa các tộc người thiểu số này với người Hán còn khá ít (Ma, 2021).

Nếu mối quan hệ thương mại về trà nói trên có thể được cho là một mối quan hệ cùng thắng giữa người DTTS và các thương nhân người Hán thì sự phát triển ngành du lịch lại đưa ra một bức tranh khác biệt. Du lịch bắt đầu phát triển mạnh ở Vân Nam những năm 1990, đồng thời cũng thu hút một lực lượng đáng kể người Hán đến đây theo tiếng gọi của những cơ hội kinh tế mới. Những người di cư này có khả năng ngôn ngữ tốt, trình độ văn hóa cao, cùng với nguồn tiền vốn và các kinh nghiệm về kinh doanh vượt trội hơn so với người dân tại chỗ, và do đó dần thay thế người DTTS trong các hoạt động kinh doanh du lịch nhỏ lẻ cũng như kiểm soát các tour du lịch tại địa phương. Sự ngoại lệ hóa người DTTS trong ngành du lịch tại địa phương đã khiến cho mâu thuẫn giữa người DTTS và người Hán ở nhiều làng du lịch gia tăng (Yang và cộng sự, 2006).

Tương tự, người Hán di cư đến khu trị Tân Cương do sức hút từ những cơ hội việc làm và kinh tế mới cũng gặp phải những phản ứng từ người Uyghur. Người Hán thường định cư ở các khu vực đô thị đông đúc giàu có ở phía Bắc, trong khi người Uyghur tập trung trong các khu đô thị nghèo hơn ở phía Nam và ở vùng nông thôn. Từ năm 1991 đến 2010, tỷ lệ người Uyghur ở khu vực đô thị giảm xuống một cách nhanh chóng. Người Uyghur chủ yếu làm trong các nhóm ngành khu vực thứ nhất được trả lương thấp, trong khi người Hán chiếm chủ đạo trong các nhóm ngành khu vực thứ hai và thứ ba với lương cao hơn gấp đôi. Những khác biệt và bất bình đẳng trong thị trường lao động cũng như khu vực cư trú dẫn tới sự bất bình của người Uyghur và mâu thuẫn ngày càng tăng giữa hai tộc người, đặc biệt là ở các khu đô thị. Các thành viên của hai tộc người thường chỉ tương tác ở mức độ xã giao (Hasmath, 2022). Nghiên cứu của Yee (2005) về quan hệ giữa người Uyghur và Hán ở Tân Cương cho thấy sự bất tín nhiệm giữa hai tộc người. Hai lý do chính dẫn đến mâu thuẫn là sự hiểu nhầm lẫn lộn từ cả hai phía và sự thiếu tôn trọng lẫn nhau. Nghiên cứu của Caprioni (2011) cho thấy sự phân rẽ giữa hai tộc người không chỉ bắt nguồn từ các chính sách của nhà nước hay cá tính đặc thù của người Uyghur, mà còn do những khác biệt khó dung hòa trong văn hóa, ví dụ như lối ăn mặc phóng khoáng của phụ nữ người Hán, việc tụ tập không phân theo giới tính trong các buổi tiệc, và mức tiêu thụ thịt lợn với số lượng lớn ở tộc người này.

Bên cạnh đó, quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Hán cũng có sự khác biệt dựa theo thời gian di cư của người Hán đến địa phương. Người Hán di cư đến theo các chương trình di cư quy mô lớn của chính phủ trong những năm từ 1950 đến 1970 và sau đó tiếp tục ở lại thường có sự gắn bó và niềm tự hào rằng họ đã góp phần xây dựng nên Vân Nam hay Tân Cương tươi đẹp như ngày nay. Tùy theo nội dung công việc cũng như chính sách của nhà nước mà một bộ phận đã có sự tiếp xúc với các cộng đồng DTTS tại địa phương, từ đó hình thành sự hiểu biết văn hóa của các tộc người, cũng như thiết lập nên những mối quan hệ bền chặt và tôn trọng lẫn nhau (Hansen, 1999b; Joniak-Liithi, 2013). Trong khi đó, những người di cư sau thời kỳ cải cách về kinh tế thường bị các cộng đồng người DTTS tại chỗ và

chính những người Hán đã định cư trước đó kì thị. Một bộ phận người Hán di cư đến sau bị cho là thấp kém bởi họ làm việc trong những khu vực mà người dân địa phương không muốn làm (Hansen, 1999b). Một bộ phận khác lại được cho là thuộc về những cộng đồng trôi nổi, vốn chỉ tìm kiếm các mối lợi kinh tế ở địa phương và sẽ ra đi ngay khi họ đã kiếm đủ lợi nhuận hoặc khi tìm thấy những nơi có khả năng đưa lại lợi nhuận cao hơn, do đó mà không gắn bó với địa phương hay có ý thức cống hiến cho nơi họ đến (Joniak-Lithii, 2013).

3.4. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số

Các DTTS tại Trung Quốc có mối quan hệ giao lưu về kinh tế, văn hóa, chính trị từ lâu đời. Những hoạt động này để lại dấu ấn trong mối quan hệ đương đại giữa các tộc người, tuy nhiên chúng cũng chịu tác động và bị quy định bởi những yếu tố đương đại. Quan hệ giữa người Thái, người Naxi với các tộc người thiểu số khác ở Vân Nam là một ví dụ. Trong lịch sử, người Thái chiếm vị trí trung tâm về chính trị ở vùng Sipsongbanna, Vân Nam. Họ cai trị những tộc người xung quanh, bao gồm người Akha và Jinuo. Bởi vậy, trong cái nhìn của các tộc người phụ thuộc vào người Thái trước đây, hệ thống giáo dục của nhà nước đã mang lại cho họ cơ hội để đảo ngược lại vị thế của họ trong xã hội địa phương. Vốn bị coi là thuộc về những tộc người lạc hậu nhất, người Akha và Jinuo tìm thấy sự thành công cũng như các cơ hội khi tham gia vào hệ thống giáo dục hiện hành, bởi họ được các giáo viên khen ngợi là chăm chỉ và cầu thị hơn so với học sinh người Thái. Trong khi đó, người Naxi ở Vân Nam là một tộc người được nhà nước phong kiến Trung Hoa đánh giá cao do sự tích cực trong tiếp thu nền văn hóa Hán. Họ tiếp tục phát huy truyền thống này khi bước vào nền giáo dục của nhà nước Trung Quốc hiện đại; từ đó, họ tìm thấy niềm tự hào cũng như bản sắc tộc người trong sự so sánh với các tộc người khác ở địa phương (Hansen, 1999). Nền kinh tế thị trường cũng mang lại những kết quả tương tự, khi người Bulang ở vùng cao sử dụng các lợi nhuận từ kinh doanh lá trà để thuê người Thái ở vùng thấp làm công cho họ, từ đó gia tăng vị thế xã hội của họ (Ma, 2021).

Việc kéo gần mối quan hệ giữa các DTTS với người Hán cũng dẫn đến sự xa cách của họ với một số tộc người nhất định, ví dụ như người Uyghur ở Tân Cương. Cụ thể là mối quan hệ giữa người Uyghur và người Hồi trở nên không mấy thân thiện. Cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, một số lượng lớn người nghiện ở Tân Cương là thanh niên trẻ người Uyghur. Dư luận của người Uyghur chia làm hai phe, một bên cho rằng đạo đức của tộc người đang bị suy thoái, một bên đổ lỗi cho người Hoa, mà theo họ người Hồi cũng được bao gồm trong đó. Điều này phần nào là do sự gắn gũi của người Hồi với văn hóa Hán, sự cư trú xen kẽ của họ với người Hán trên toàn quốc, và sự phai nhạt của các thực hành Hồi giáo trong một bộ phận người Hồi (Mackerras, 1998). Người Hồi có khuynh hướng tách biệt khỏi người Uyghur do không muốn bị đánh đồng với lực lượng Hồi giáo cấp tiến, cũng như tránh dính líu vào các mâu thuẫn Hồi giáo quốc tế (Davis, 2008). Tương tự, mối quan hệ giữa người Uyghur và người Kazakh nhạt đi đáng kể chỉ trong một thập niên đầu thế kỷ XX. Nếu như năm 2000 số cặp liên hôn Kazakh - Uyghur ở Tân Cương là 2.587, Kazakh - Hán chỉ có 262 thì đến năm 2010, con số này là 2106 Kazakh - Uyghur và 6.612 Kazakh - Hán (Jian, 2017).

3.5. Quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc

Như đã trình bày ở các mục trước, hai khu vực đánh dấu mối quan hệ căng thẳng nhất giữa nhà nước và tộc người ở Trung Quốc là Tây Tạng và Tân Cương. Tây Tạng có lịch sử hình thành và phát triển khá tách biệt với khu vực nội Trung Quốc. Sự thuần nhất tương đối về tộc người, các quan hệ gắn gũi về văn hóa, tôn giáo với Ấn Độ và Mông Cổ, cùng với vai trò lãnh đạo trung tâm của Đạt Lai Lạt Ma và sự ủng hộ từ các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ đã khiến cho phong trào li khai phát triển mạnh mẽ từ sớm ở Tây Tạng (Mackerras, 2003). Trong khi đó, cho đến những năm 1980, quan hệ giữa người Uyghur ở Tân Cương

với nhà nước Trung Quốc vẫn diễn ra tốt đẹp, và chỉ đột ngột chuyển biến xấu từ những năm 1990. Nguyên nhân phần lớn được cho là do sự di cư ồ ạt của người Hán đến Tân Cương trong khoảng thời gian này, từ đó tạo nên phân tầng xã hội - tộc người ngày càng sâu sắc và dẫn đến những phản ứng gay gắt từ phía người Uyghur. Phản ứng của chính phủ sau sự kiện 11/9 năm 2001 cũng góp phần làm trầm trọng thêm những căng thẳng và mâu thuẫn giữa tộc người và Nhà nước (Mackerras, 2003).

Các nhóm li khai người Uyghur trên thực tế không liên kết chặt chẽ với nhau. Họ lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo ở khu vực biên giới các nước láng giềng để xây dựng các trại huấn luyện bên ngoài địa giới Trung Quốc, từ đó đưa thuốc nổ và vũ khí hạng nhẹ vào Trung Quốc. Ở Trung Á có khoảng nửa triệu người Uyghur; hầu hết chính phủ các nước trong khu vực đều giữ sự nghi ngại với tộc người này và thực hiện nhiều chiến dịch nhằm vào họ, đặc biệt là chính phủ Kyrgyzstan (Davis, 2008). Bắt đầu từ những năm 1996, Chính phủ Trung Quốc tổ chức các chiến dịch tấn công một cách thường xuyên để đối phó với những mối đe dọa an ninh trật tự xã hội và tội phạm ở Tân Cương, nhưng sang đến thập kỷ sau, các chiến dịch này ngày càng được sử dụng nhiều hơn để đối đầu với “chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa quá khích, và chủ nghĩa khủng bố”. Các chiến dịch của Chính phủ giúp trấn áp bạo lực trong thời gian ngắn, nhưng để lại hậu quả lâu dài là làm người Uyghur cảm thấy bất công và mất niềm tin (Davis, 2008). Người Uyghur hiện nay thấy gần gũi về văn hóa với Thổ Nhĩ Kỳ và Xô Viết cũ hơn là với Trung Quốc nội địa, và chủ yếu tiêu dùng các mặt hàng nhập khẩu từ các nước này (Irgengioro, 2018).

Tuy nhiên, nếu không kể đến trường hợp người Tạng và người Uyghur thì quan hệ giữa các tộc người với quốc gia - dân tộc ở Trung Quốc vẫn khá hài hòa. Cho đến nay, chính quyền Trung Quốc rất ít hạn chế mạng lưới liên kết người Thái xuyên quốc gia ở Sipsongbanna, Vân Nam. Quan chức các cấp đều tham gia và thậm chí còn thúc đẩy các lễ hội của người Thái tổ chức tại nhiều ngôi đền Phật giáo ở địa phương. Lý do là mạng lưới tôn giáo này tuy mạnh mẽ và trải rộng nhưng không mang khuynh hướng của một phong trào dân tộc đòi li khai, tự trị. Sự vắng bóng của chủ nghĩa dân tộc (nationalism) trong các quan hệ tộc người xuyên biên giới giúp duy trì mối quan hệ hòa hảo giữa tộc người và Nhà nước (Davis, 2005). Tương tự như vậy, sự phát triển ý thức tộc người của người Naxi ở Vân Nam hay người Choang ở Quảng Tây không bị chính quyền ngăn trở và không bị coi là mối đe dọa đối với tính toàn vẹn của đất nước Trung Quốc, bởi các tộc người này không có hoặc có các liên kết xuyên quốc gia khá yếu. Về cơ bản, các nhà nghiên cứu quốc tế nhận định rằng, mặc dù vẫn thường than phiền về sự thống trị của người Hán trong xã hội, đa số các tộc người tại Trung Quốc hài lòng với việc trở thành công dân của quốc gia này (Mackerras, 2003; Sturgeon, 2005; Mac Carthy, 2009).

4. Cách thức giải quyết các vấn đề, kết quả và hạn chế

4.1. Cách thức giải quyết các vấn đề

Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra những chính sách vĩ mô và vi mô để giải quyết các vấn đề về quan hệ tộc người. Trong đối ngoại, nhận định rằng có mối liên kết chặt chẽ giữa quan hệ tộc người trong nước, an ninh biên giới đất liền quốc gia và quan hệ với các nước trong khu vực, kể từ thập niên cuối thế kỷ XX, Trung Quốc đã thi hành một chính sách đối ngoại khá mềm dẻo khiến mối quan hệ với hầu như tất cả các nước láng giềng được củng cố bền vững và thân thiện hơn. Việc xác định đường biên giới trên đất liền được đẩy nhanh và chú trọng giải quyết trong hòa bình (Mackerras, 2003).

Về đối nội, Chính phủ Trung Quốc cho rằng nghèo đói và khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng giữa người Hán và các tộc người thiểu số là nguyên nhân chính gây ra mâu thuẫn tộc người và phong trào li khai. Các chính sách cải cách kinh tế và xóa đói giảm nghèo của

Trung Quốc có tác động rõ nét cuối những năm 1970 cho đến giữa những năm 1980. Tuy nhiên, những tác động tích cực này đã bị đảo chiều khi Trung Quốc theo đuổi chiến lược ưu tiên phát triển kinh tế các tỉnh dọc theo bờ biển phía đông. Từ những năm 1990, chính phủ nhận thấy sự đe dọa ngày càng gia tăng từ tỷ lệ nghèo tăng cao. Năm 1994, một chương trình xóa nghèo tuyệt đối được chính thức hóa và đến năm 2001 chính sách này đã được đưa vào bản sửa đổi của Luật về Khu tự trị quốc gia. Luật sửa đổi này cũng tăng thêm quyền tự chủ cho các khu tự trị (Mackerras, 2003).

Tại Tân Cương, chính sách được kết hợp giữa cứng rắn và mềm dẻo, nhưng trên thực tế các chính sách còn thiếu tính nhất quán và chưa mang lại hiệu quả như mong đợi. Trong những năm 2010, chính phủ đã áp dụng một hệ thống giám sát hàng loạt dựa trên các công nghệ mới và các trại cải tạo tập trung nhằm kiểm soát sự tham gia của các nhóm DTTS theo đạo Hồi vào các thực hành văn hóa và tôn giáo tại địa phương (Hasmath, 2022). Song song với những biện pháp cứng rắn, chính quyền cũng đưa ra các chính sách cụ thể để thúc đẩy những tương tác có tính tích cực giữa các tộc người. Ví dụ như trước những năm 1990, chính sách chung là tăng cường sự hội nhập, giao lưu giữa học sinh Uyghur và người Hán. Tuy nhiên, sau những năm 1990, hầu hết các chính quyền địa phương thực hiện chính sách phân lớp, phân trường giữa học sinh Hán và Uyghur, nhằm giảm thiểu những mâu thuẫn có thể nảy sinh qua tiếp xúc giữa hai tộc người. Gần đây, cùng với việc thực thi những chế tài cứng rắn, chương trình “lớp học Tân Cương” - tài trợ cho học sinh người Uyghur vào học tại các trường trung học ở các thành phố giàu có hơn ở phía đông Tân Cương - lại được xúc tiến với mục đích tạo ra các tương tác có ý nghĩa giữa hai tộc người (Hasmath, 2022).

4.2. Kết quả, hạn chế của các cách thức giải quyết

Cho đến những năm 1990, cùng với sự cải thiện trong mối quan hệ giữa Trung Quốc với các quốc gia láng giềng và các nước phương Tây, Tây Tạng đã không còn được đặt thành mối quan tâm hàng đầu trong các nghị sự của quốc tế với Trung Quốc. Bên cạnh đó, phong trào Hồi giáo bị quân sự hóa tại Trung Á đã đẩy lên mối quan ngại về lực lượng này ở các nước láng giềng của Trung Quốc là Nga, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan và muộn hơn là Uzbekistan, từ đó tạo ra liên minh giữa các nước này với Trung Quốc với mục tiêu chung là ngăn chặn chủ nghĩa toàn thống Hồi giáo (Mackerras, 2003; Davis, 2008). Như vậy, chính sách đối ngoại mềm dẻo của Trung Quốc đã có tính tích cực và hiệu quả rõ ràng trong việc ngăn chặn và giảm thiểu sự lan rộng của phong trào li khai ở các khu vực biên giới.

Chính phủ Trung Quốc nhận định phát triển kinh tế là cách tốt nhất để giải quyết chủ nghĩa li khai. Nhìn chung thì điều này đúng với các DTTS khu vực biên giới, khi đa số các tộc người hài lòng và thậm chí nhấn mạnh địa vị công dân Trung Quốc của họ trong mối quan hệ với đồng tộc bên kia biên giới như đã trình bày trong mục 2. Nhưng trong trường hợp Tân Cương. Chính sách phát triển kinh tế ít nhận được sự ủng hộ và tán thành từ người Uyghur, do họ cho rằng các chính sách này chủ yếu mang lại lợi ích cho người Hán (Irgengioro, 2018; Barabansetva, 2011). Chính sách thúc đẩy tương tác giữa học sinh của hai tộc người thất bại bởi lực cản đến từ chính nhà trường: quản lý nhà trường đưa ra quy định hạn chế các tương tác, với mục đích nhằm giảm thiểu khả năng xung đột giữa hai tộc người. Học sinh người Uyghur trong các ngôi trường chung thường bị phân biệt đối xử bởi các bạn học và giáo viên người Hán. Dù muốn có bạn bè người Hán nhưng học sinh người Hán lại sợ hãi họ. Nguyên nhân có thể là do các học sinh người Hán đã phát triển ấn tượng về người Uyghur thông qua các định kiến được truyền lại từ người lớn và truyền thông từ khi còn nhỏ (Hasmath, 2022).

Sự thất bại của các chính sách điều hòa mối quan hệ tộc người ở Tân Cương trong khoảng hơn một thập niên trở lại đây đã làm dấy lên làn sóng phản đối của người dân Trung Quốc nói chung và các học giả Trung Quốc nói riêng. Yêu cầu đặt ra là sửa đổi lại các điều luật

về quyền tự trị và các ưu tiên đối với tộc người thiểu số (Leboid, 2013). Các học giả có tiếng nói như Ma Rong cho rằng, về lâu dài việc duy trì sự tồn tại của các khu tự trị sẽ tạo điều kiện cho sự lớn mạnh của chủ nghĩa li khai, và tạo ra những chia cắt khó có thể đảo ngược giữa các tộc người thiểu số và người Hán (Ma, 2010; Ma, 2014). Ngày càng nhiều người Hán cho rằng, những chính sách ưu tiên cho người DTTS là bất công với người Hán. Ở Tân Cương, sự bất mãn của người Hán thể hiện trong việc họ tham gia vào các trấn áp của chính quyền và những xung đột với người Uyghur trong thời gian gần đây (Irgengioro, 2018). Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều nhận định rằng rất khó để thực hiện những thay đổi lớn về chính sách dân tộc ở Trung Quốc, và ngay cả việc hiện thực hóa những cải cách nhỏ cũng sẽ cần một khoảng thời gian khá dài (Leboid, 2013; Irgengioro, 2018).

5. Kết luận

Nhìn chung, quan hệ dân tộc ở khu vực biên giới của Trung Quốc về cơ bản là ổn định, nhưng cũng tồn tại những trung tâm mâu thuẫn như Tây Tạng, Tân Cương. Mặc dù quan hệ tộc người phần nào bị quy định bởi lịch sử hình thành của quốc gia, nhưng chính sách của nhà nước vẫn là yếu tố quyết định đến các mối quan hệ tộc người. Trung Quốc cung cấp một bài học đắt giá về việc thiết lập các quan hệ ngoại giao song phương bền vững để hạn chế tầm ảnh hưởng và lan rộng của những vấn đề tộc người trong nước ra khỏi biên giới quốc gia. Trước những thách thức của toàn cầu hóa, hiện đại hóa, các dự án phát triển... quan hệ nội tộc người phát triển theo cả hai xu hướng cố kết và phân li, trong đó xu hướng cố kết có phần mạnh hơn. Quan hệ nội tộc người xuyên biên giới mang cả các yếu tố tích cực và tiêu cực, chủ yếu trên hướng cố kết, giúp đỡ cùng tiến bộ, đồng thời cũng có những cạnh tranh mới về kinh tế. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số với người Hán nhấn mạnh sự cạnh tranh về quyền lợi và kinh tế, trong đó người Hán thường được hưởng lợi nhiều hơn từ các chính sách phát triển và nền kinh tế thị trường, từ đó dẫn đến sự bất mãn của người DTTS. Giữa các tộc người thiểu số có cả quan hệ hợp tác và cạnh tranh để có vị thế cao hơn trong xã hội địa phương. Quan hệ giữa tộc người thiểu số ở vùng biên và quốc gia - dân tộc trở nên bất ổn khi các chính sách thiếu tính nhạy cảm về dân tộc và do đó xâm hại đến lợi ích của các DTTS tại chỗ. Mâu thuẫn gay gắt giữa tộc người với quốc gia - dân tộc như trường hợp người Uyghur ở Tân Cương yêu cầu những chính sách mềm dẻo, đồng thời cho thấy nên chỉ chú trọng vào chính sách phát triển kinh tế thì sẽ không giải quyết được triệt để các vấn đề dân tộc - tôn giáo.

Tài liệu tham khảo

- Badenoch Nathan. (2013). *Transnational Local Minorities: Push and Pull Across the Sino-Lao Border*. Draft paper prepared for Kyoto-Cornell Joint International Workshop on Trans-national Southeast Asia: Paradigms. Histories. Vectors. 11-12 January, 2013. Rakuyu-kaikan. Kyoto University.
- Barabansetva Elena. (2011). *Overseas Chinese. Ethnic Minorities and Nationalism: Decentering China*. Routledge.
- Caprioni Elena. (2011). Daily Encounters Between Hans and Uyghurs in Xinjiang: Sinicization. Integration or Segregation?. *Pacific Affairs*. Vol.84. No.2.
- Cục thống kê quốc gia Trung Quốc. (2011). 1-6 Dân số theo giới tính và dân tộc. *Dữ liệu điều tra dân số năm 2010 của Trung Quốc*. Nxb. Thống kê Trung Quốc. (“1-6 各地区分性别、民族的人口”. *中国2010年人口普查资料*)
- Davis Sara L. M. (2005). *Song and Silence: Ethnic revival on China's Southwest borders*. Columbia University Press. New York.
- Davis Elizabeth Van Wie. (2008). Uyghur Muslim Ethnic Separatism in Xinjiang, China. *Asian Affairs: An American Review*. Vol. 35:1. pp. 15-30.

Emerging China. N.d. https://saylordotorg.github.io/text_world-regional-geography-people-places-and-globalization/s13-02-emerging-china.html.

Freeman Carla và Drew Thompson. (2011). *China on the Edge: China's Border Provinces and Chinese Security Policy*. The Center for the National Interest and Johns Hopkins. SAIS.

Hansen Mette Halskov. (1999). *Lessons in Being Chinese: Minority Education and Ethnic Identity in Southwest China*. University of Washington Press.

Hansen Mette Halskov. (1999b). The Call of Mao or Money? Han Chinese Settlers on China's South-western Borders. *The China Quarterly*. No.158. pp. 394-413.

Hasmath Reza. (2022). Future Responses to Managing Muslim Ethnic Minorities in China: Lessons Learned from Global Approaches to Improving Inter-Ethnic Relations. *International Journal*. Vol. 77.1. pp.51-67.

He. Shenghai. (2017). An Overview of China's Ethnic Groups and Their Interactions. *Sociology Mind*. Vol. 7. pp. 1-10.

Irgengioro John. (2018). China's National Identity and the Root Causes of China's Ethnic Tensions. *East Asia*. Vol. 35 .3. pp. 1-30.

Jian Zhixiang. (2017). The recent trend of ethnic intermarriage in China: an analysis based on the census data. *The Journal of Chinese Sociology*. pp. 4-11.

Joniak-Liithi Agnieszka. (2013). Han Migration to Xinjiang Uyghur Autonomous Region: Between State Schemes and Migrants' Strategies. *Zcirschfrt für Edrnologie*. No. 138. pp. 155-174.

Leibold James. (2013). Ethnic Policy in China: is reform inevitable? *Policies studies*. No. 68. East-West Center.

Lyttleton Chris. Rui Deng và Nan Zhang. (2011). Promiscuous capitalism meets 'exotic' ethnicity: Intimate aspirations amongst cross-border Chinese Dai. *The Australian Journal of Anthropology*. No. 22. pp. 314-331.

Ma Rong. (2010). Ethnic Relations in Contemporary China: Cultural Tradition and Ethnic Policies Since 1949. *Procedia Social and Behavioral Sciences* 2. pp. 6831-6845.

Ma Rong. (2014). Reflections on the debate on China's ethnic policy: my reform proposals and their critics. *Asian Ethnicity*. Vol. 15. No. 2. pp. 237-246.

Ma Zhen. (2021). Encounters in Zomia: Dynamics of Ethnic Relations in the Pu'er Tea Trade in Southern Yunnan. China. *China: An International Journal*. Volume 19. No. 1. pp. 137-157.

Mackerras Colin. (2003). *China's ethnic minorities and globalisation*. Routledge. London.

McCarthy Susan K. (2009). *Communist Multiculturalism: Ethnic Revival in Southwest China*. University of Washington Press. Seattle and London.

Qian Junxi. Tang Xueqiong. (2016). Dilemma of modernity: interrogating cross-border ethnic identities at China's southwest frontier. *Area*. Vol.49. No.1. pp. 1-8.

Sturgeon Janet. C. (2005). *Borderlandscape: The Politics of Akha Land Use in China and Thailand*. University of Washington Press. Seattle and London.

Sturgeon Janet. (2012). Cross-border rubber cultivation between China and Laos: Regionalization by Akha and Tai rubber farmers. *Singapore Journal of Tropical Geography* 34. pp. 70-85.

Takahiro Kojima. Badenoch Nathan. (2013). From Tea to Temples and Texts: Transformation of the Interfaces of Upland-Lowland Interaction on the China-Myanmar Border. *Southeast Asian Studies*. Vol 2. No.1. pp. 95-31.

Yang Li. Wall Geoffrey. Smith Stephen L.J. (2006). Ethnic Tourism Goverment: Chinese Government Perspectives. *Annals of Tourism Research*. Vol. 35. No. 3. pp. 751-771.

Yee Herbert S. (2003). Ethnic Relations in Xinjiang: A survey of Uyghur-Han relations in Urumqi. *Journal of Contemporary China*. Vol.12:36. pp. 431-452.

Yee Herbert. (2005). Ethnic Consciousness and Identity: A Research Report on Uyghur-Han Relations in Xinjiang. *Asian Ethnicity*. Vol. 6:1. pp. 35-50.